TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 710/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/7/2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên toà:

Bà Ngô Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1169/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Mỹ H, sinh năm: 1988. (Có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương

Bị đơn: Ông Trần Đình P, sinh năm: 1987. (Vắng mặt)

HKTT: Đường Y, Khu phố D, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Đặng Mỹ H thì: Bà và ông Trần Đình P tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01 ngày 18/01/2007.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông P thường xuyên rượu chè, không có trách nhiệm với gia đình, khi bà H khuyên thì ông có hành vi đánh đập và chửi mắng bà. Từ tháng 6/2014 bà H đã đưa con về sinh sống tại nhà cha mẹ ở tỉnh B cho đến nay. Cũng từ thời gian đó ông P không liên lạc với bà và cũng không thăm con. Nay bà H xác định không còn tình cảm và cũng không còn khả năng hàn gắn với ông P, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà Đặng Mỹ H và ông Trần Đình P có 01 người con chung là Trần Thị Mỹ H1 (nữ), sinh ngày 31/10/2007, hiện đang sống chung với bà H. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Trần Thị Mỹ D, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Do bận công việc nên bà H có đơn yêu cầu vắng mặt bà.

Bị đơn ông Trần Đình P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các giấy triệu tập. Tuy nhiên ông P vẫn vắng mặt không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên vụ án được thụ lý từ ngày 06 tháng 11 năm 2017 nhưng ngày 28/5/2018 mới đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn xét xử là 02 tháng 21 ngày. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, nguyên đơn bà H chấp hành đúng quy định của pháp luật. Ông P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mà không đến tòa là vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Đặng Mỹ H, giao con chung Trần Thị Mỹ D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung

không có nên không xem xét giải quyết. Án phí bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Đặng Mỹ H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Đình P cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của bà H phù hợp qui định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Đình P, là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông P vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ theo qui định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P.

Bà Đặng Mỹ H có đơn xin vắng mặt khi tòa án xét xử vụ án nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H.

Về việc đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức nhận định vụ án được thụ lý từ ngày 06 tháng 11 năm 2017 nhưng ngày 28 tháng 5 năm 2018 mới đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn xét xử là 02 tháng 21 ngày. Hội đồng xét xử xét, theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đối với vụ án hôn nhân gia đình liên quan đến người chưa thành niên, trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự thì phải tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp. Ngày 13/3/2018 Tòa án mới nhận được văn bản trả lời xác minh của Phòng Lao động Thương binh và xã hội quận Thủ Đức, sau khi nhận được văn bản trả lời trên thì Tòa án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo quy định nhưng do bị đơn không hợp tác nên phải tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, việc vi phạm thời hạn xét xử như trên là do yếu tố khách quan.

[2] Về nội dung: Bà Đặng Mỹ H và ông Trần Đình P kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Linh Đông, quận Thủ Đức,

Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01 ngày 18/01/2007 nên là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông P, nhưng Tòa án không nhận được trả lời của ông, chứng tỏ ông không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà H.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày của nguyên đơn, sau khi kết hôn bà H, ông P sống chung không hạnh phúc do ông P sống thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên rược chè đến say, về nhà có hành vi thô lỗ với bà H. Đã nhiều lần bà H khuyên ông P nhưng ông không thay đổi mà còn đánh đập bà nên từ tháng 6 năm 2014 bà H đưa con gái về sống chung với cha mẹ ruột ở Bình Dương. Từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Như vậy ông P, bà H đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai cùng không muốn đoàn tụ gia đình, bà H có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ theo giấy khai sinh số 141 quyển 01/2007 ngày 05 tháng 11 năm 2007 do Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp nên có cơ sở xác định trẻ Trần Thị Mỹ H1 (nữ), sinh ngày 31/10/2007 là con chung của bà H, ông P. Bà H có yêu cầu được trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông P đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông P vẫn không đến và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Vì vậy nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà H giao con chung Trần Thị Mỹ H1 (nữ), sinh ngày 31/10/2007 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Các điều 51, 56, 57, 58, 59, 71, 72, 81, 82, 83, 84,107, 110, 116 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;
- Luật Phí, lệ phí năm 2016;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Mỹ H:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Mỹ H, sinh năm 1988 ly hôn với ông Trần Đình P, sinh năm 1987

Về con chung: Giao con chung Trần Thị Mỹ H1 (nữ), sinh ngày 31/10/2007 cho bà Đặng Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 300.000đồng, bà Đặng Mỹ H phải nộp nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0037467 ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh